

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/BC-STTTT

Gia Lai, ngày 01 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai

Căn cứ Kế hoạch số 206/KH-SKHĐT ngày 23/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án năm 2018 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án năm 2018 và 01 tháng đầu năm 2019 như sau:

I/ TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

Trong năm 2018, Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) không ban hành và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền.

II/ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý:

Trong năm 2018, Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành các bước thẩm định Dự thảo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của MobiFone trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020 và định hướng 2025 theo đúng quy định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Việc quản lý thực hiện quy hoạch theo quy định:

Triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Gia Lai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 10/8/2017, Sở TT&TT tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh lập, trình phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các DNVN theo quy định. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoàn thiện quy hoạch hạ tầng viễn thông, đầu tư ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông, xây dựng các trạm thu phát sóng phù hợp với quy hoạch đô thị và mỹ quan đô thị, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc.

Tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy hoạch, đầu tư, phát triển hiệu quả, bền vững.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng viễn thông thụ động; quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu; thiết bị đo kiểm, giám sát hệ thống các trạm thu phát sóng di động...

III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2018:

- Kinh phí được cấp năm 2018: 21.000.000.000 đồng.
- Giá trị khối lượng đã thực hiện: 21.000.000.000 đồng.
- Giá trị đã giải ngân: 21.000.000.000 đồng.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2019:

- Kinh phí được cấp năm 2019: 9.000.000.000 đồng.
- Giá trị khối lượng đã thực hiện: 3.246.503.000 đồng.
- Giá trị đã giải ngân: 3.246.503.000 đồng.

(Kèm theo phụ biểu 01 và 01a)

IV/ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Đảm bảo theo đúng quy trình dự án đầu tư quy định tại Luật Đầu tư công.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư: Đảm bảo theo đúng quy trình dự án đầu tư.

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán: Đảm bảo theo đúng quy trình dự án đầu tư.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: Đã thành lập Ban quản lý dự án, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, quản lý quá trình đầu tư của dự án theo đúng quy định về quản lý đầu tư nhằm đảm bảo mục tiêu và hiệu quả của dự án.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ thực hiện theo đúng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt; trong quá trình thực hiện dự án thường xuyên kiểm tra nên chất lượng công việc đảm bảo theo yêu cầu đề ra của dự án, không có biến động trong suốt quá trình triển khai dự án.

(Kèm theo phụ biểu 03)

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Thực hiện đúng quy định về giải ngân: Tạm ứng, thu hồi tạm ứng, quyết toán dự án hoàn thành.

(Kèm theo phụ biểu 07)

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu:

Các công chức tham gia ban quản lý dự án đều đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và năng lực; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai dự án theo đúng quy định về quản lý đầu tư. Các nhà thầu trúng thầu đều đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm do Chủ đầu tư đưa ra, việc triển khai các gói thầu đều đảm bảo đúng tiến độ đã nêu trong các hợp đồng giữa nhà thầu và chủ đầu tư.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

Các dự án hoàn thành đã được đưa vào khai thác, vận hành có hiệu quả. Sở TT&TT luôn hỗ trợ về mặt kỹ thuật để hệ thống được vận hành liên tục.

(Kèm theo Mẫu số 06)

V/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC:

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo: Thực hiện đầy đủ các báo cáo về tình hình thực hiện vốn đầu tư năm 2018 theo định kỳ và đột xuất.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo: Báo cáo đảm bảo được tính chính xác, trung thực của thông tin và số liệu báo cáo.

3. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo: Trong năm 2019, Sở TT&TT sẽ tiếp tục thực hiện báo cáo giám sát đầu tư của dự án: “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai” theo đúng quy định.

4. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ:

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình đầu tư của dự án theo các quy định về quản lý đầu tư nhằm đảm bảo mục tiêu và hiệu quả của dự án.

VI/ CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:

Các dự án lĩnh vực Thông tin và truyền thông do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư được triển khai tại nhiều cơ quan đơn vị khác nhau, do đó sau khi nghiệm thu hoàn thành dự án, các thiết bị và phần mềm của hệ thống được Sở Thông tin và Truyền thông bàn giao cho các đơn vị quản lý, vận hành và sử dụng. Sở Thông tin và Truyền thông đã thường xuyên theo dõi, hướng dẫn việc sử dụng. Đề nghị các đơn vị, địa phương có điểm triển khai dự án tiếp tục quan tâm, phối hợp trong việc đánh giá để có giải pháp duy trì, mở rộng hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo các hệ thống hoạt động tốt; đồng thời đề nghị đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm cử các bộ phận quản lý, vận hành, bố trí kinh phí bảo trì hệ thống để khai thác có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.KHTC, VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hùng

Phụ biểu 01



Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo năm 2018

(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2018	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	So với KH (%)	Giá trị	So với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước								
1	Vốn đầu tư công								
1.1	Vốn NSNN	21.000.000.000	0	0	21.000.000.000	100	21.000.000.000	100	
a	Vốn NSTW	5.000.000.000	0	0	5.000.000.000	100	5.000.000.000	100	
b	Vốn NSDP	16.000.000.000	0	0	16.000.000.000	100	16.000.000.000	100	
	Tổng cộng	21.000.000.000	0	0	21.000.000.000	100	21.000.000.000	100	

Phu biểu 01a



Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo quý I năm 2019
(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số: 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2019	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	So với KH (%)	Giá trị	So với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước								
1	Vốn đầu tư công								
1.1	Vốn NSNN	9.000.000.000	0	0	3.246.503.000	36	3.246.503.000	36	
a	Vốn NSTW	9.000.000.000	0	0	3.246.503.000	36	3.246.503.000	36	
b	Vốn NSDP	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng	9.000.000.000	0	0	3.246.503.000	36	3.246.503.000	36	



Phụ biểu 03

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước năm 2018
(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số: 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Số TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn												
						Dự án đầu tư công								TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW												
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
I	Chuẩn bị đầu tư																	
1	Chủ trương đầu tư																	
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ																	
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ																	
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ																	
2	Quyết định đầu tư																	
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ																	
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ																	
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ																	
II	Thực hiện đầu tư																	
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	1		1		1		1				1						
a	Số dự án chuyển tiếp	1		1		1		1				1						
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ																	
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	1		1		1		1				1						

Số TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn												
						Dự án đầu tư công								TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW												
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)																	
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	1		1		1		1				1						
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ																	
a	Không phù hợp với quy hoạch																	
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền																	
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án																	
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)																	
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)																	
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện																	
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định																	
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ																	
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư																	

Số TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng													
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu													
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời													
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác													
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ													
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư													
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư													
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư													
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác													
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau													
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ													
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ													
-	Chỉ định thầu													
-	Đấu thầu hạn chế													
-	Đấu thầu rộng rãi													

Số TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Hình thức khác													
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ													
-	Đấu thầu không đúng quy định													
-	Ký hợp đồng không đúng quy định													
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ													
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán													
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ													
4	Tình hình khai thác vận hành													
a	Số dự án đã đưa vào vận hành													
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)													
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ													



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Tên dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai

Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai

Địa điểm thực hiện: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông); Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông Vận tải; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku.

Tổng mức đầu tư: 45.678.000.000 đồng

Tổng dự toán: 45.678.000.000 đồng

Kế hoạch vốn trong năm 2018 của dự án: 21.000.000.000 đồng

Kế hoạch vốn trong năm 2019 của dự án: 9.000.000.000 đồng

Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí cho dự án: 30.000.000.000 đồng

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên hạng mục / Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện	Trong kỳ báo cáo (2018-2019)		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Thất thoát, lãng phí được phát hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
					Giá trị thực hiện	Giải ngân					
1	Tư vấn thẩm định giá	57.000.000	Ngân sách tỉnh	Đúng tiến độ	57.000.000	57.000.000	57.000.000	57.000.000		Tháng 10/2017	Giải ngân quý I/2018
2	Tư vấn lập thiết kế thi công và dự toán	468.428.542			468.428.000	468.428.000	468.428.000	468.428.000		Tháng 8/2016	
3	Tư vấn thẩm tra thiết kế thi công và dự toán	90.728.310			90.728.000	90.728.000	90.728.000	90.728.000		Tháng 11/2017	

Số TT	Tên hạng mục / Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện	Trong kỳ báo cáo (2018-2019)		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Thất thoát, lãng phí được phát hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
					Giá trị thực hiện	Giải ngân					
4	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu	38.736.805			38.736.000	38.736.000	38.736.000	38.736.000	-	Tháng 5/2018	
5	Thẩm định hồ sơ mời thầu	17.607.639			17.607.000	17.607.000	17.607.000	17.607.000	-		
6	Đánh giá hồ sơ dự thầu	35.215.277	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	Đúng tiến độ	35.215.000	35.215.000	35.215.000	35.215.000	-	Tháng 5/2018	
7	Thẩm định kết quả đấu thầu	17.607.639			17.607.000	17.607.000	17.607.000	17.607.000	-		
8	Nâng cấp hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu giai đoạn 1	9.784.977.000			9.775.172.000	9.775.172.000	9.775.172.000	9.775.172.000	-	Tháng 12/2018	
9	Giám sát thi công gói thầu: Nâng cấp hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu giai đoạn 1	53.536.587			53.536.000	53.536.000	53.536.000	53.536.000	-		
10	Cung cấp bản quyền phần mềm, dịch vụ	7.977.200.000			7.968.000.000	7.968.000.000	7.968.000.000	7.968.000.000	-	Tháng 11/2018	
11	Giám sát thi công gói thầu: Cung cấp bản quyền phần mềm, dịch vụ	48.010.257			48.010.000	48.010.000	48.010.000	48.010.000	-		
12	Nâng cấp hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu giai đoạn 2	9.869.011.141			9.851.738.000	4.204.276.000	4.204.276.000	4.204.276.000	-		Giải ngân

Số TT	Tên hạng mục / Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện	Trong kỳ báo cáo (2018-2019)		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Thất thoát, lãng phí được phát hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
					Giá trị thực hiện	Giải ngân					
13	Giám sát thi công gói thầu: Nâng cấp hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu giai đoạn 2	54.801.629			54.801.000	27.400.000	27.400.000	27.400.000	-		ngân năm 2019
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý GIS	10.154.750.214			10.122.400.000	735.363.000	735.363.000	735.363.000	-		
15	Giám sát thi công gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý GIS	205.865.187			205.865.000	-	-	-	-		
16	Chi phí quản lý dự án	709.425.490			709.425.000	709.425.000	709.425.000	709.425.000	-		
	Tổng cộng	39.582.901.717			39.514.268.000	24.246.503.000	24.246.503.000	24.246.503.000			

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN
KHAI THÁC, VẬN HÀNH NĂM 2018**
(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Tên dự án: Xây dựng hệ thống mạng diện rộng (WAN) tỉnh Gia Lai

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:

- 1. Tên dự án:** Dự án xây dựng hệ thống mạng diện rộng (WAN) tỉnh Gia Lai.
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) tỉnh Gia Lai.
- 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý thành phố Hồ Chí Minh.

4. Mục tiêu của dự án:

Kết nối hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN) của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố với nhau; đồng thời kết nối các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm đảm bảo khả năng liên thông, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh và trao đổi giữa các cơ quan hành chính với Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc xây dựng mạng WAN nhằm mục đích ngăn chặn việc tấn công, các truy cập trái phép từ bên ngoài vào hệ thống máy tính của các cơ quan quản lý nhà nước để không bị lộ thông tin, dữ liệu của các đơn vị.

5. Quy mô, công suất:

- Quy hoạch mạng nội bộ của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã hiện đã và đang sử dụng về để quản lý tập trung và đồng bộ.
- Thuê đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước (do Viễn thông Gia Lai quản lý) để xây dựng mạng WAN từ các đơn vị về trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.
- Các đường truyền Internet của các đơn vị được truy cập độc lập để đảm bảo đường truyền, băng thông cho mạng WAN nhưng phải có kết nối thông qua thiết bị tường lửa bảo mật đã được UBND tỉnh đầu tư.
- Xây dựng đường VPN backup từ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện về trung tâm tích hợp dữ liệu một cách thống nhất, an toàn, bảo mật (dựa trên đường truyền Internet của các đơn vị).
- Xây dựng đường VPN (dựa trên đường truyền Internet của các đơn vị) từ các phòng ban thuộc huyện và các xã để kết nối về Văn phòng UBND cấp huyện (địa điểm đặt máy chủ), đảm bảo đường kết nối thông tin bảo mật, an toàn.

6. Nội dung đầu tư chính:

- Đầu tư đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối mạng

WAN, quy hoạch địa chỉ mạng cho đơn vị.

- Đầu tư đường truyền Leasedline cho Trung tâm tích hợp dữ liệu.
- Đầu tư trang thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Đầu tư trang thiết bị tại Văn phòng UBND cấp huyện, các phòng ban và UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện.

7. Địa điểm dự án:

- 23 đơn vị cấp tỉnh: Văn phòng Tỉnh ủy Gia Lai; Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tư pháp; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông); Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giao thông Vận tải; Sở Y tế; Sở Công Thương; Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Gia Lai; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.
- 17 UBND các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm các phòng ban, UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện).
- Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Đài Truyền thanh – Truyền hình của 17 huyện, thị xã, thành phố.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý trực tiếp.

9. Các mốc thời gian về dự án:

- Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư: Quyết định số 135/QĐ-SKHĐT ngày 27/10/2016 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; Quyết định số 02/QĐ-SKHĐT ngày 09/01/2017 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; Quyết định số 91/QĐ-SKHĐT ngày 31/8/2017 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Thời gian bắt đầu: 09/01/2017.

+ Thời gian kết thúc: Tháng 12/2017.

10. Tổng mức đầu tư: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng);

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN:

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án:

Năm 2018, sau khi dự án được nghiệm thu, đưa vào sử dụng, hệ thống mạng WAN đã phục vụ tốt các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh như: Hội nghị truyền hình, trao đổi văn bản điện tử liên thông 4 cấp, một cửa điện tử, thư điện tử công vụ, dịch vụ công trực tuyến... (hệ thống đã được triển khai tới cấp xã).

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các thông tin truyền tải trên hệ thống mạng WAN đều đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; chưa phát hiện bị lộ lọt thông tin ra bên ngoài Internet. Lưu lượng gửi văn bản trên toàn tỉnh gửi qua mạng WAN trung bình khoảng 1.100 văn bản /ngày và với hơn **30** cuộc họp trực tuyến /năm.

Việc vận hành, sử dụng đúng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2336/BTTTT-UĐCNTT ngày 21/7/2008 về hướng dẫn kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước; đồng thời đúng chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4278/VPCP-TTĐT ngày 02/6/2016 về việc thống nhất dùng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong kết nối, liên thông văn bản điện tử trong 4 cấp hành chính từ Trung ương đến địa phương.

Việc xây dựng mạng WAN đúng theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin như: Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới... và các văn bản Mật khác để làm nền tảng triển khai Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Trung ương.

Đồng thời, theo theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0), mạng truyền số liệu chuyên dùng được sử dụng để kết nối, truyền tải thông tin dữ liệu Chính phủ điện tử, nên việc đầu tư mạng WAN dựa trên mạng truyền số liệu chuyên dùng là hoàn toàn phù hợp theo chỉ đạo của Trung ương.

2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án:

Trong quá trình vận hành, khai thác, sau khi hết thời gian bảo hành, một số thiết bị đầu cuối tại UBND cấp xã bị hư hỏng, không được các đơn vị thay thế sửa chữa kịp thời nên ảnh hưởng tới việc gửi nhận văn bản điện tử của các đơn vị. Tuy nhiên, Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã kịp thời hỗ trợ các đơn vị xử lý, khắc phục nên hệ thống hoạt động ổn định./.

CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hùng



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN
KHAI THÁC, VẬN HÀNH NĂM 2018**
(Kèm theo Báo cáo giám sát tổng thể số 24/BC-STTTT ngày 01/02/2019)

Tên dự án: Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên trang/cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai

2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Công nghệ và Phát triển IT Việt Nam.

4. Mục tiêu của dự án:

- Phát triển Cổng giao tiếp dịch vụ công là nơi cung cấp, quản lý tập trung tất cả giao dịch về dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Gia Lai để người dân, doanh nghiệp thuận tiện trong việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các Sở ngành tích hợp trên Cổng giao tiếp dịch vụ công và liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh các Trang thông tin điện tử của các Sở, ngành và kết nối, tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Tích hợp với phần mềm Một cửa điện tử tại các Sở, ngành và các địa phương để giải quyết các dịch vụ công trực tuyến và cung cấp thông tin về tình hình xử lý hồ sơ.

- Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho cán bộ tại các Sở, ngành giải quyết các dịch vụ công trực tuyến.

- Giúp lãnh đạo các cấp có thể theo dõi việc xử lý hồ sơ thủ tục hành chính tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Quy mô, công suất:

- Xây dựng phần mềm Cổng thông tin điện tử dịch vụ công: Là nơi tập trung duy nhất thực hiện các giao dịch về dịch vụ công trực tuyến của toàn tỉnh.

- Xây dựng phần mềm Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với cán bộ công chức và cơ quan nhà nước tích hợp vào Cổng giao tiếp dịch vụ công.

- Xây dựng các phần mềm Dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 tích hợp vào Cổng thông tin điện tử dịch vụ công và đầu tư máy vi tính để bàn, bộ lưu điện cho máy tính, máy in của các đơn vị: Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đầu tư 01 máy chủ để cài đặt hệ thống “một cửa điện tử” cho Ban Thi đua - Khen thưởng của tỉnh và 01 thiết bị Modem GSM để nhận tin.

- Đầu tư nâng cấp Ổ đĩa cứng và Bộ nhớ (RAM) của máy chủ phục vụ Dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông Vận tải.

6. Nội dung đầu tư chính: Xây dựng một số phần mềm Dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 tích hợp vào Cổng thông tin điện tử dịch vụ công và đầu tư máy vi tính để bàn, bộ lưu điện cho máy tính, máy in của các đơn vị.

7. Địa điểm dự án:

Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý trực tiếp.

9. Các mốc thời gian về dự án:

- Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư: Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai"; Quyết định số 31/QĐ-SKHĐT ngày 28/02/2017 của Sở Kế hoạch và Kế hoạch tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai.

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Thời gian bắt đầu: 01/4/2016.

+ Thời gian kết thúc: Tháng 5/2017.

11. Tổng mức đầu tư: 9.994.562.420 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm hai mươi đồng).

(Đối với Hợp phần do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư)

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN:

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án:

Sau khi dự án được nghiệm thu, các Sở, ban ngành đã tích cực tuyên truyền, thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện nộp hồ sơ qua mạng trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; giảm thời gian đi lại, góp phần công khai, minh bạch trong quá trình xử lý thủ tục hành chính. Đồng thời đã tổ chức phối hợp với Bưu điện, ngân hàng để hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong việc gửi/nhận hồ sơ tới cơ quan nhà nước và hỗ trợ việc thanh toán trực tuyến qua mạng.

Hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với hệ thống phần mềm một cửa điện tử liên thông nên cán bộ một cửa không cần truy cập, sử dụng, quản lý nhiều phần mềm mà chỉ cần theo dõi, thao tác xử lý giải quyết hồ sơ trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử đang sử dụng từ năm 2015 đến nay.

Dự án khi đưa vào sử dụng đã được doanh nghiệp, công dân hết sức hoan nghênh, đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền 24/24 giờ trong ngày, tại bất cứ đâu có kết nối internet trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ và công dân, tổ

chức đó chỉ phải đến duy nhất 1 lần để thanh toán lệ phí (nếu có) hoặc chuyển khoản qua ngân hàng và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” của cơ quan, đơn vị... Trong thời gian qua Hệ thống đã góp phần phục vụ cho người dân và doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện, mà còn góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, nâng cao hiệu lực quản lý và cải cách hành chính, tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước được công khai minh bạch.

Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cũng đúng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP.

Đồng thời, theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Chính phủ có chỉ đạo “Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở cấp 4 và hoàn thành trước tháng 12/2019”. Nên việc đẩy mạnh xây dựng các dịch vụ công trực tuyến trong giai đoạn hiện nay là hết sức cấp thiết để góp phần cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong thời gian đến.

2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án:

Hiện tại chưa phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án./.

CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hùng